

Bản án số: 49/2024/DS-ST
Ngày 17 tháng 5 năm 2024
V/v “Tranh chấp hợp đồng
tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU,
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Phương

Các hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Song Hoàn; Ông Vũ Văn Chương.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Nga - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 638/2023/TLST-DS ngày 03-11-2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2024/QĐXXST-DS ngày 29-3-2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 38/2024/QĐST-DS ngày 17-4-2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP B.

Địa chỉ: Tòa nhà L, số B đường T, phường T, quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là: Anh Lê Ngọc T, sinh năm: 1987 và anh Nguyễn Thành N, sinh năm: 1985; Cùng địa chỉ: Số D đường N, Phường I, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu là người đại diện theo ủy quyền (theo văn bản ủy quyền số 162/2023/LPBank.VT ngày 25-9-2023. (Anh N có mặt)

2. Bị đơn: Chị Mai Đình Thực N1, sinh năm: 1980.

Địa chỉ: Số E đường P, Phường B, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng TMCP B (Viết tắt Liên V) và chị N1 ký Hợp đồng tín dụng số HDTD573202234 ngày 19-4-2022. Theo đó, Liên V cho chị N1 vay với hạn mức tối đa là 2.400.000.000đ (Hai tỷ bốn trăm triệu đồng). Mục đích vay thanh toán

tiền mua quyền sử dụng đất thuộc thửa 50, tờ bản đồ số 8 tại phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Thực hiện hợp đồng, Liên V đã giải ngân số tiền 2.400.000.000đ (Hai tỷ bốn trăm triệu đồng) cho chị N1 theo Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 573202234/01 ngày 19-4-2022. Tính đến ngày 17-5-2024 chị N1 nợ số tiền là 2.670.030.070đ (Hai tỷ sáu trăm bảy mươi triệu không trăm ba mươi ngàn không trăm bảy mươi đồng) trong đó gồm nợ gốc là 2.275.851.473đ, lãi trong hạn là 362.693.174đ, lãi chậm trả nợ gốc 13.407.998đ, lãi chậm trả lãi 18.077.426đ.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay nêu trên là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đối với các thửa 14, 22, 23, 25, 31 tờ bản đồ số 5 tọa lạc tại xã A, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CA 075244, sổ vào sổ CH 01583 do UBND huyện L, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 31-03-2015 biến động sang tên chị Mai Đình Thục N1 ngày 18-4-2022. Chị N1 thế chấp QSD đất nêu trên theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số HDTTC573202234 ngày 19-4-2022 được Phòng C, được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đăng ký giao dịch bảo đảm.

Nay Liên V yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Buộc chị N1 trả số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 17-5-2024 là 2.670.030.070đ (Hai tỷ sáu trăm bảy mươi triệu không trăm ba mươi ngàn không trăm bảy mươi đồng) trong đó gồm nợ gốc là 2.275.851.473đ, lãi trong hạn là 362.693.174đ, lãi chậm trả nợ gốc 13.407.998đ, lãi chậm trả lãi 18.077.426đ.

2. Kể từ ngày 18-5-2024 chị N1 phải trả lãi suất quá hạn theo quy định pháp luật theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số HDTD573202234 ngày 19-4-2022 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

3. Trường hợp chị N1 không trả được nợ hoặc trả không đầy đủ thì yêu cầu Tòa án tuyên Liên V được quyền phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất thuộc các thửa 14, 22, 23, 25, 31 tờ bản đồ số 5 tọa lạc tại xã A, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CA 075244, sổ vào sổ CH 01583 do UBND huyện L, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 31-03-2015, đăng ký biến động sang tên chị N1 ngày 18-4-2022. Trong trường hợp phát mãi tài sản nêu trên không đủ để trả nợ cho Ngân hàng B thì chị N1 phải tiếp tục có nghĩa vụ trả hết nợ cho Ngân hàng B.

2. *Đối với bị đơn chị N1:* Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập hợp lệ chị N1 đến Tòa án làm việc nhưng chị N1 không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án. Sau đó, Tòa án đã tiến hành xác minh địa chỉ của chị N1 tại Công an P, thành phố V thì chị N1 có đăng ký thường trú tại địa chỉ số E đường P, Phường B, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng đối với chị N1 theo quy định pháp luật.

3. *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu phát biểu ý kiến:* Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các thủ tục tố tụng. Nguyên đơn chấp hành đúng thủ tục tố tụng.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa có căn cứ xác định chị N1 có ký Hợp đồng tín dụng

số HDTD573202234 ngày 19-4-2022 vay tiền Liên Việt, nhưng vi phạm nghĩa vụ trả nợ tiền gốc, lãi trong hạn, lãi chậm trả nợ gốc, lãi chậm trả lãi. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng B buộc chị N1 trả cho Ngân hàng B số tiền tính đến ngày 17-5-2024 là 2.670.030.070đ (Hai tỷ sáu trăm bảy mươi triệu không trăm ba mươi ngàn không trăm bảy mươi đồng) trong đó gồm nợ gốc là 2.275.851.473đ, lãi trong hạn là 362.693.174đ, lãi chậm trả nợ gốc 13.407.998đ, lãi chậm trả lãi 18.077.426đ. Chị N1 phải trả lãi suất quá hạn theo quy định pháp luật theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số HDTD573202234 ngày 19-4-2022 kể từ ngày 18-5-2024 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ. Trường hợp chị N1 không trả được nợ hoặc trả không đầy đủ thì yêu cầu Tòa án tuyên Liên V được quyền phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất thuộc các thửa 14, 22, 23, 25, 31 tờ bản đồ số 5 tọa lạc tại xã A, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CA 075244, số vào sổ CH 01583 do UBND huyện L, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 31-03-2015, đăng ký biến động sang tên chị N1 ngày 18-4-2022. Trong trường hợp phát mãi tài sản nêu trên không đủ để trả nợ cho Ngân hàng B thì chị N1 phải tiếp tục có nghĩa vụ trả hết nợ cho Ngân hàng B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Ngân hàng B khởi kiện yêu cầu chị N1 thanh toán trả số tiền còn nợ gốc, lãi theo Hợp đồng tín dụng số HDTD573202234 ngày 19-4-2022 giữa Liên V và chị N1 đã ký nên đây là quan hệ tranh chấp về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” và bị đơn chị N1 có đăng ký cư trú tại thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

[1.2] Chị N1 có đăng ký thường trú tại địa chỉ số E đường P, Phường B, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, nhưng đã bán nhà không còn sinh sống tại địa chỉ này. Xét thấy, chị N1 chuyển đi nơi khác nhưng không thông báo cho chính quyền địa phương và Liên V nơi chị N1 chuyển đến nên thuộc trường hợp cố tình che giấu địa chỉ. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng đối với chị N1 theo quy định pháp luật. Căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị N1.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của Liên V thì thấy:

Căn cứ Hợp đồng tín dụng số HDTD573202234 ngày 19-4-2022, các bảng tính lãi tiền vay thì chị N1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền gốc, lãi suất phát sinh theo thỏa thuận của Hợp đồng. Vì vậy, Liên V yêu cầu chị N1 trả tiền nợ gốc và lãi suất phát sinh là đúng quy định tại Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng.

[3] Về yêu cầu khởi kiện trả tiền nợ gốc và lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số HDTD573202234 ngày 19-4-2022 được giải ngân qua Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 573202234/01 ngày 19-4-2022:

[3.1] Đối với yêu cầu chị N1 trả số tiền nợ gốc là 2.275.851.473đ: Căn cứ Hợp đồng tín dụng nêu trên, tổng số tiền chị N1 vay của Liên V là 2.400.000.000đ (Hai tỷ bốn trăm triệu đồng), tính đến ngày 17-5-2024 chị N1 đã trả số tiền nợ gốc là 124.148.527đ (Một trăm hai mươi bốn triệu một trăm bốn mươi tám ngàn năm trăm hai mươi bảy đồng), chị N1 còn nợ gốc tổng số tiền là 2.275.851.473đ, đến nay chị N1 không trả nợ gốc cho Liên V. Như vậy, chị N1 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc cho Liên V. Do đó, Liên V yêu cầu chị N1 trả số tiền nợ gốc còn lại là 2.275.851.473đ là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận buộc chị N1 phải thanh toán số tiền nợ gốc còn lại là 2.275.851.473đ cho Liên V.

[3.2] Về yêu cầu tiền lãi phát sinh tính đến ngày 17-5-2024 lãi trong hạn là 362.693.174đ: Căn cứ Hợp đồng tín dụng ngày 19-4-2022, bảng tính lãi cho vay ngày 17-5-2024 hai bên thỏa thuận lãi suất trong hạn là 10,7%/năm trong ba tháng đầu, lãi suất hiện tại là 15,35%/năm, xét sự thỏa thuận nêu trên là phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật tổ chức tín dụng. Về thời hạn trả lãi vay chị N1 không trả đúng theo nội dung thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng nên đã vi phạm thời hạn trả lãi. Xét thấy, Liên V yêu cầu chị N1 trả tiền lãi trong hạn tính đến ngày 17-5-2024 là 362.693.174đ là đúng, Hội đồng xét xử chấp nhận buộc chị N1 phải thanh toán tiền lãi trong hạn là 362.693.174đ cho Liên V.

[3.2.1] Đối với yêu cầu chị N1 trả tiền lãi chậm trả gốc tính đến ngày 17-5-2024 là 13.407.998đ: Căn cứ Hợp đồng tín dụng ngày 19-4-2022, hai bên thỏa thuận lãi chậm trả gốc trong Hợp đồng. Xét thấy, sự thỏa thuận nêu trên là phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật tổ chức tín dụng. Về thời hạn trả nợ gốc chị N1 không trả đúng theo nội dung thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng nên đã vi phạm thời hạn trả nợ gốc nên chị N1 phải chịu lãi chậm trả gốc tính đến ngày 17-5-2024 là 13.407.998đ là đúng, Hội đồng xét xử chấp nhận buộc chị N1 phải trả lãi chậm trả gốc là 13.407.998đ cho Liên V.

[3.2.2] Về yêu cầu trả lãi chậm trả lãi số tiền tính đến ngày 17-5-2024 là 18.077.426đ: Căn cứ Hợp đồng tín dụng nêu trên hai bên có thỏa thuận về lãi chậm trả lãi. Xét thấy, sự thỏa thuận về phạt lãi chậm trả lãi trong Hợp đồng tín dụng nêu trên phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Vì vậy, Liên V yêu cầu chị N1 trả số tiền phạt lãi chậm trả lãi là 18.077.426đ là có căn cứ, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.3] Đối với yêu cầu chị N1 phải trả lãi suất quá hạn theo quy định pháp luật theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số HDTD573202234 ngày 19-4-2022 cho đến khi thanh toán xong nợ: Yêu cầu này của Liên V là phù hợp với quy định của pháp luật và Hợp đồng tín dụng các bên đã ký kết. Căn cứ Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17-10-2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17-10-2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, chị N1 phải thanh toán tiền lãi quá hạn phát sinh kể từ ngày 18-5-2024 cho đến khi thanh toán xong nợ cho Liên V.

[3.4] Xét Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đối với các thửa 14, 22, 23, 25, 31 tờ bản đồ số 5 tọa lạc tại xã A, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CA 075244, sổ vào sổ CH 01583 do UBND huyện L, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 31-03-2015 biến động sang tên chị Mai Đình Thục N1 ngày 18-4-2022, được phòng C ngày 19-4-2022 và được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 19-4-2022 đã được thực hiện đúng theo quy định đăng ký thế chấp tài sản nên Hợp đồng thế chấp nêu trên có hiệu lực pháp luật.

Ngày 05-02-2024, Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ xác định: Trên các thửa 14, 22, 23, 25, 31 tờ bản đồ số 5 là đất trồng lúa, trên đất không có công trình, vật kiến trúc, nhà, không trồng các cây trồng lâu năm. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án triệu tập hợp lệ chị N1 đến Tòa làm việc và tham gia xem xét thẩm định tại chỗ nhưng chị N1 vắng mặt nên không làm việc được với chị N1. Theo giấy xác nhận tình trạng hôn nhân số 68 ngày 24-02-2022 xác định chị N1 có kết hôn nhưng đã ly hôn năm 2019, hiện độc thân.

Vì vậy, trường hợp chị N1 không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì Liên V được quyền yêu cầu Chi Cục thi hành án dân sự huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu phát mãi tài sản bảo đảm thế chấp là các thửa 14, 22, 23, 25, 31 tờ bản đồ số 5 tọa lạc tại xã A, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CA 075244, sổ vào sổ CH 01583 do UBND huyện L, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 31-03-2015 biến động sang tên chị Mai Đình Thục N1 ngày 18-4-2022 để thu hồi nợ. Trong trường hợp phát mãi tài sản nêu trên không đủ để trả nợ cho Liên V thì chị N1 vẫn phải tiếp tục có nghĩa vụ trả hết nợ cho Liên V.

[4] Về chi phí tố tụng: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên chị N1 phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 10.000.000đ (Mười triệu đồng). Liên Việt đã tạm ứng nộp đủ nên chị N1 có trách nhiệm hoàn trả số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng) cho Liên V.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị N1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của Liên V được chấp nhận là 85.400.601đ (T1 mười lăm triệu bốn trăm ngàn sáu trăm lẻ một đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 317, 318, 319 Bộ luật dân sự; Điểm b khoản 2 Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019; Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17-10-2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17-10-2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP B đối với bị đơn chị Mai Đình Thục N1.

- Buộc chị Mai Đình Thục N1 phải trả nợ cho Ngân hàng TMCP B tổng số tiền tính đến ngày 17-5-2024 là 2.670.030.070đ (Hai tỷ sáu trăm bảy mươi triệu không trăm ba mươi ngàn không trăm bảy mươi đồng) trong đó gồm nợ gốc là 2.275.851.473đ (Hai tỷ hai trăm bảy mươi lăm triệu tám trăm năm mươi ngàn bốn trăm bảy ba đồng), lãi trong hạn là 362.693.174đ (Ba trăm sáu mươi hai triệu sáu trăm chín mươi ba ngàn một trăm bảy mươi bốn đồng), lãi chậm trả nợ gốc 13.407.998đ (Mười ba triệu bốn trăm lẻ bảy đồng chín trăm chín tám đồng), lãi chậm trả lãi 18.077.426đ (Mười tám triệu không trăm bảy bảy ngàn bốn trăm hai sáu đồng) theo Hợp đồng tín dụng số HDTD573202234 ngày 19-4-2022.

- Kể từ ngày 18-5-2024, chị Mai Đình Thục N1 còn phải chịu khoản tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng nêu trên cho Ngân hàng TMCP B cho đến khi thi hành án xong. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng, tổ chức tín dụng cho vay thì lãi suất chị N1 phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng TMCP B cũng sẽ được điều chỉnh phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng tổ chức tín dụng cho vay.

- Trường hợp chị N1 không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì Ngân hàng TMCP B được quyền yêu cầu Chi Cục thi hành án dân sự huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu phát mãi tài sản bảo đảm thế chấp là các thửa 14, 22, 23, 25, 31 tờ bản đồ số 5 tọa lạc tại xã A, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CA 075244, số vào sổ CH 01583 do UBND huyện L, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 31-03-2015 biến động sang tên chị Mai Đình Thục N1 ngày 18-4-2022 để thu hồi nợ. Trong trường hợp phát mãi tài sản nêu trên không đủ để trả nợ cho Ngân hàng TMCP B thì chị N1 vẫn phải tiếp tục có nghĩa vụ trả hết nợ cho Ngân hàng TMCP B.

Trường hợp phải phát mãi quyền sử dụng đất của bị đơn thì quyền ưu tiên mua tài sản được thực hiện theo quy định của Bộ luật dân sự, việc xác lập quyền sử dụng đất cho người nhận chuyển nhượng diện tích đất của bị đơn thực hiện theo quy định của pháp luật đất đai.

2. Về chi phí tố tụng: Chị N1 phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 10.000.000đ (Mười triệu đồng). Chị N1 có trách nhiệm hoàn trả cho Ngân hàng TMCP B số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị N1 phải nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 85.400.601đ (Tám mươi lăm triệu bốn trăm ngàn sáu trăm lẻ một đồng).

Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng TMCP B là 40.200.000đ (Bốn mươi triệu hai trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0001528 ngày 03-11-2023 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- VKSND Tp. VT;
- Chi Cục THA DS Tp.VT;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Phụng

